TÁC ĐỘNG CỦA CÁC TAI BIẾN MÔI TRƯỜNG TỚI AN NINH LƯƠNG THỰC KHU VỰC VEN SÔNG HẬU

LÊ THỊ HOA

Tóm tắt: Dưới góc nhìn an ninh lương thực, những tai biến môi trường đã khiến khu vực ven sông Hậu phải đối mặt với những khó khăn, rủi ro nhất định trong sản xuất lương thực. Các tai biến môi trường tự nhiên như: xâm nhập mặn, hạn hán, sự bất thường của lũ, sự thay đổi dòng chảy, sạt lở bờ sông, xói lở bờ biển đã có những tác động nhất định làm giảm diện tích và năng suất sản xuất lương thực tại khu vực ven sông Hậu. Ngoài ra, các tai biến môi trường còn tác động/ảnh hưởng làm tăng chi phí lao động, chi phí đầu tư trong gieo trồng, sản xuất lúa, diện tích gieo trồng lương thực đang bị đe dọa nghiêm trọng. Từ đó, đặt ra thách thức không nhỏ trong việc đảm bảo an ninh lương thực trong tương lai ở vùng đồng bằng ven sông Hậu và khu vực đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL). Thực tiễn trên đặt ra nhu cầu cấp thiết cần nhận diện, nghiên cứu xây dựng và nhân rộng các mô hình sinh kế bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu (BĐKH), thiên tai tại khu vực ven sông Hậu hiện nay và trong thời gian tới.

Từ khóa: tai biến môi trường, an ninh lương thực, biến đổi khí hậu, ven sông Hậu

IMPACT OF ENVIRONMENTAL HAZARDS ON THE FOOD SECURITY IN HAU RIVERSIDE AREA

Abstract: From the perspective of food security, environmental hazards are making the riverside area of the Hau River encounter certain difficulties and risks in food production. Natural environmental hazards, namely saltwater intrusion, drought, flood anomalies, flow changes, alluvial deposit and silt, riverbank erosion, and coastal erosion along the Hau River, have caused negative impacts reducing the cultivation area and productivity of food production in the Hau River riverside area. In addition, environmental hazards also increase labour costs, increase investment costs in rice cultivation and production in the region. The area of food crops is also under serious threat. These environmental threats are causing significant challenges to ensuring food security in the future in the Hau River Delta in particular, the Mekong River Delta region. In conclusion, in response to what is happening there is an urgent need to identify, research to build and replicate sustainable livelihood models, adapting to climate change and natural disasters in the Hau River riverside area today and in the years to come.

Keywords: environmental hazards, food security, climate change, Hau River riverside

1. Đặt vấn đề

Ngày nay, các nước tham gia công ước về môi trường của Liên hợp quốc đều xác định tai biến môi trường đã và đang đe dọa nghiêm trọng đến sự tồn tại và phát triển của con người, là thách thức lớn của các quốc gia.

Tai biến môi trường là điều kiện, yếu tố, hiện tượng, quá trình xảy ra trong môi trường sống, gây nguy hiểm và tổn hại cho tính mạng, sức khỏe, tài sản, hoạt động của con người, dẫn đến rối loạn và mất cân bằng trong phát triển kinh tế - xã hội và có thể gây hậu quả nguy hiểm cho

tính mạng, tài sản của con người cũng như ảnh hưởng xấu tới môi trường tự nhiên [9]. Tai biến môi trường được xem là một trong những loại hình của an ninh phi truyền thống đáng quan tâm nhất hiện nay.

Dựa vào tác nhân gây tai biến, có thể phân biệt tai biến môi trường thành: tai biến tự nhiên, tai biến nhân sinh và tai biến hỗn hợp. Dựa vào bản chất, có thể chia thành: tai biến vật lý (địa vật lý); tai biến hóa học (địa hóa); tai biến sinh học. Dựa vào tốc độ, trường độ: tai biến đột khởi (xảy ra nhanh, kết thúc nhanh, khó cảm nhận được); tai biến trường (xảy ra từ từ và kéo dài); tai biến lúc trường diễn, lúc đột khởi [9].

Cũng như một số nước dễ bị tổn thương khác, Việt Nam đã và sẽ tiếp tục chịu nhiều tai biến môi trường khách quan, bất khả kháng, khó lường, như bão tố, dông, lốc, lở đất, động đất, nước biển dâng, xâm nhập mặn, hạn hán... Đối với khu vực ven sông Hậu - một hợp phần quan trọng của ĐBSCL, được xác định là các đơn vị hành chính cấp huyện, có ranh giới giáp sông Hậu, là địa bàn của 326 xã, phường thuộc 28 huyện, thị của 7 tỉnh/thành phố, gồm: Đồng Tháp, An Giang, Cần Thơ, Hậu Giang, Vĩnh Long, Sóc Trăng và Trà Vinh; diện tích khoảng 664.284 ha, kéo dài từ vùng biên giới thuộc tỉnh An Giang đến các địa phương ven biển thuộc tỉnh Trà Vinh và Sóc Trăng.

Đây là khu vực có vị trí quan trọng trong chiến lược phát triển cây lương thực của vùng ĐBSCL và cả nước; nhưng trong những năm gần đây chịu tác động rất lớn từ các tai biến môi trường, đặc biệt là các tai biến tự nhiên. Báo cáo tóm tắt Kịch bản BĐKH và nước biển dâng cho Việt Nam, nếu nước biển dâng lên 100 cm sẽ làm ngập 38,9% [14] (tương đương khoảng 15.677 km^2) diện tích vùng ĐBSCL (diện tích đất trồng lúa hơn 3,2 triệu ha, đóng góp hơn 50% sản lượng lúa hằng năm và hơn 90% của cả nước về lượng gạo xuất khẩu [13], không chỉ quyết định đến việc đảm bảo an ninh lương thực mà còn khẳng định được vai trò, vị thế xuất khẩu gạo hàng đầu thế giới của Việt Nam).

Nước biển dâng kết hợp với tình hình phát triển ở vùng thượng lưu sông Mêkông, gây nên những thay đổi lớn cho vùng ven sông Hậu, dòng chảy lũ giảm, dòng chảy kiệt biến động mạnh, thiếu nước, phù sa giảm mạnh… khiến đất nhiễm mặn, cây trồng không sinh trưởng và phát triển, năng suất cây trồng suy giảm. Thực trạng này đã và đang ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất lương thực, làm giảm sản lượng, đe dọa an ninh lương thực của vùng.

An ninh lương thực về cơ bản có 4 cấp độ bao gồm: an ninh lương thực loài người, an ninh lương thực cấp quốc gia và vùng, an ninh lương thực cấp hộ gia đình và an ninh lương thực cấp cá nhân. Nghiên cứu này tập trung đến các tác động từ các yếu tố tai biến môi trường tự nhiên như xâm nhập mặn, hạn hán, sự bất thường của lũ, sự thay đổi dòng chảy, phù sa sông Hậu, sạt lở bờ sông, xói lở bờ biển tới việc đảm bảo diện tích và năng suất lúa trong 5 năm (2014 - 2019) và 5 năm tiếp theo. Đồng thời chỉ ra những thách thức mà khu vực ven sông Hậu và ĐBSCL đang gặp phải, từ đó đề xuất một số khuyến nghị nhằm ứng phó với các tai biến môi trường, đảm bảo an ninh lương thực.

2. Cơ sở dữ liệu và phương pháp nghiên cứu

2.1. Cơ sở dữ liệu

Bài viết đã phân tích các dữ liệu thứ cấp, chủ yếu là các số liệu tổng hợp được công bố chính thức trong các tài liệu đã xuất bản của cơ quan quản lý nhà nước có liên quan và tổ chức quốc tế. Một số dữ liệu khác mang tính chất dẫn chứng, minh họa được dẫn lại từ các trang thông tin điện tử chính thức của Bộ/ngành liên quan.

Đặc biệt, bài viết sử dụng kết quả phân tích định lượng và định tính qua khảo sát xã hội học của đề tài cấp Nhà nước: *Nghiên cứu đánh giá tác động của BĐKH, thiên tai, hoạt động nhân sinh nhằm đề xuất giải pháp, mô hình phát triển bền vững khu vực ven sông Hậu* (mã nhiệm vụ: BĐKH.39/16-20; thời gian thực hiện từ năm 2018 đến 2020). Từ địa bàn nghiên cứu 6 tỉnh của đề tài, tác giả lựa chọn và phân tích dữ liệu 03 tỉnh đại diện cho 03 khu vực thượng, giữa và hạ lưu sông Hậu (gồm An Giang, Cần Thơ và Trà Vinh).

2.2. Phương pháp nghiên cứu

Bài viết sử dụng các phương pháp nghiên cứu của khoa học xã hội học và khoa học liên ngành, cụ thể là phân tích tổng hợp dữ liệu thông qua góc nhìn đa chiều (kinh tế, môi trường, xã hội) từ nhiều nguồn tư liệu khác nhau có liên quan; phương pháp quan sát được sử dụng thu thập những thông tin sơ cấp tại địa bàn nghiên cứu trong nhiều thời điểm khác nhau từ năm 2019 đến năm 2020 về quá trình thực hiện sinh kế của người dân, thực trạng những tác động/ảnh hưởng của các tai biến môi trường đến sinh kế, đời sống và sinh hoạt của người dân…

Trên cơ sở phân tích đặc điểm kinh tế - xã hội và điều kiện địa lý tự nhiên ở địa bàn nghiên cứu, ở mỗi khu vực (vùng thượng, vùng giữa, vùng ven biển) đã chọn một số địa phương cụ thể để nghiên cứu; cụ thể xã Hàm Tân (huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh); xã Long Phú (huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng); phường Thới An (quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ); xã Tân Hòa (huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp); xã Long Kiến (huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang); xã Khánh An (huyện An Phú, tỉnh An Giang), với tổng số 733/1.213 phiếu khảo sát.

Phương pháp phỏng vấn sâu được thực hiện nhằm thu thập thông tin theo chiều sâu về kinh tế, xã hội ở khu vực ven sông Hậu có liên quan đến vấn đề nghiên cứu từ tháng 8/2019 đến tháng 6/2020 với 52 người, tập trung vào hộ trồng lúa, trồng cây ăn trái, nuôi trồng thủy sản và một số cán bộ lãnh đạo địa phương.

3. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

3.1. Khái quát về vùng nghiên cứu

Ranh giới nghiên cứu là hai bên bờ (tả ngạn và hữu ngạn) dọc sông Hậu, với diện tích khoảng 664.284 ha/40.816,3 km²; dân số khoảng 4,4 triệu/17,7 triệu người, bao gồm các địa phương ven sông kéo dài từ vùng biên giới thuộc tỉnh An Giang đến các địa phương ven biển thuộc tỉnh Trà Vinh và Sóc Trăng. Bên tả ngạn khu bờ Bắc bao gồm các huyện: An Phú, Tân Châu, Phú Tân, Châu Thành của tỉnh An Giang; Lai Vung, Lấp Vò thuộc tỉnh Đồng Tháp; Trà Ôn, Bình Minh, Tam Bình của tỉnh Vĩnh Long; Cầu Kè, Trà Cú, Duyên Hải, Tiểu Cần thuộc tỉnh Trà Vinh. Bên hữu ngạn là bờ Nam bao gồm các thành phố, thị xã, quận, huyện: Long Xuyên, Châu Phú, Chợ Mới, Châu Đốc thuộc tỉnh An Giang; Ô Môn, Thốt Nốt, Ninh Kiều, Cái Răng, Bình Thủy thuộc thành phố Cần Thơ; Châu Thành thuộc tỉnh Hậu Giang; Kế Sách, Vĩnh Châu, Long Phú, Trần Đề, Cù Lao Dung thuộc tỉnh Sóc Trăng.

Khu vực ven sông Hậu được đánh giá là khu vực có vị trí chiến lược của vùng ĐBSCL; năm 2016 có sản lượng lúa khoảng 4,9/8,8 triệu tấn, chiếm hơn 55% tổng sản lượng lương thực của vùng; ngô là 97.193 tấn; thủy sản là 816.509 tấn; tổng số gia súc (bò, trâu, lợn) khoảng 940.906 con; tổng số gia cầm khoảng 9 triệu con. Những số liệu trên đây cho thấy vai trò đặc biệt quan trọng của khu vực ven sông Hậu đối với việc đảm bảo an ninh lương thực quốc gia.

3.2. Các tai biến môi trường tại khu vực ven sông Hậu

Dưới tác động của sự phát triển, BĐKH, nhiều tai biến môi trường, nhiều hoạt động nhân

sinh đã có tác động không nhỏ đến diện tích cây lương thực của khu vực ven sông Hậu.

Điển hình là đợt xâm nhập mặn cuối năm 2015 và những tháng đầu năm 2016 với diễn biến phức tạp và được đánh giá là nặng nề nhất trong lịch sử 100 năm qua; xảy ra sớm (bắt đầu từ tháng 2) với tất cả 13/13 tỉnh trong khu vực ĐBSCL, gây thiệt hại nghiêm trọng cho hoạt động sản xuất nông nghiệp. Cụ thể, mặn xâm nhập sâu tới 70 km tính từ cửa sông, thậm chí có nơi lên đến 85 km, kết hợp hạn hán đã làm cho hơn 160.000 ha đất canh tác, chủ yếu là lúa, cùng cây ăn trái và rau màu bị nhiễm mặn, thiệt hại khoảng 3.000 tỷ đồng. Ngoài ra các thiệt hại khác cũng ước tính lên gần 1.000 tỷ đồng [12]. Tính đến cuối năm 2015 các tỉnh Trà Vinh, Sóc Trăng, Cần Thơ, Hậu Giang trong khu vực ven sông Hậu đều công bố tình trạng thiên tai hạn hán, xâm nhập mặn.

Đợt hạn mặn năm 2019 - 2020 tiếp tục ảnh hưởng đến hầu hết các tỉnh trong khu vực ven sông Hậu, trong đó tỉnh Trà Vinh (tả ngạn của sông Hậu với các huyện Cầu Kè, Tiểu Cần, Trà Cú, Duyên Hải) bị thiệt hại nặng nề nhất. Kết quả khảo sát xã hội học được thực hiện vào tháng 8 - 9/2019 tại khu vực ven sông Hậu cho thấy tác động/ảnh hưởng của các hiện tượng thiên tai và hoạt động nhân sinh đến ba sinh kế chính: trồng lúa, trồng cây ăn trái và nuôi trồng thủy sản của người dân; tác động làm giảm diện tích sản xuất được thể hiện ở Hình 1.

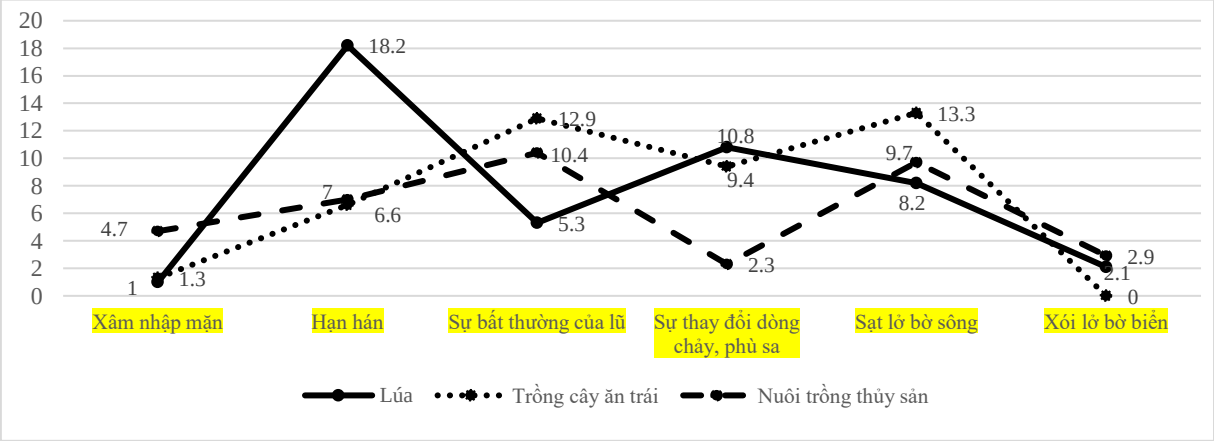

Hình 1. Tai biến môi trường làm giảm diện tích canh tác lúa, trồng cây ăn trái, nuôi trồng thủy sản trong giai đoạn 2014 - 2019 tại khu vực ven sông Hậu *(đơn vị %)*

Nguồn: [12]

Trong 5 năm từ 2014 đến năm 2019 các tai biến môi trường: xâm nhập mặn, hạn hán, sự bất thường của lũ, sự thay đổi dòng chảy, sạt lở bờ sông, xói lở bờ biển đã có những tác động nhất định làm giảm diện tích canh tác cây lương thực (lúa), trồng cây ăn trái và nuôi trồng thủy sản của người dân tại khu vực ven sông Hậu.

3.3. Tác động của tai biến môi trường đối với khu vực ven sông Hậu

Kết quả khảo sát cũng cho thấy, các tai biến môi trường có sự tác động/ảnh hưởng khác nhau đến diện tích gieo trồng lúa tại các vùng. Cụ thể, hạn hán là tai biến có tác động lớn nhất đến việc làm suy giảm diện tích gieo trồng lúa, với gần 1/5 số người tham gia khảo sát đưa ra nhận định này. Kế tiếp là sự thay đổi dòng chảy phù sa sông Hậu (10,8%), sạt lở bờ sông (8,2%), sự bất thường của lũ (5,3%), xói lở bờ biển (2,1%) và xâm nhập mặn (1%).

Như vậy, nhìn một cách tổng thể thì các tai biến môi trường trong 5 năm từ năm 2014 đến 2019 đã góp phần không nhỏ tới việc làm giảm diện tích canh tác lúa của khu vực ven sông Hậu (45,6%) cho 6 loại hình tai biến môi trường khác nhau dưới sự đánh giá của những hộ sản xuất lúa trong khu vực. Cụ thể, trước kia người dân có thể sản xuất 3 vụ lúa/năm, nhưng hiện nay do hạn mặn và hạn hán kéo dài nên nhiều khu vực chỉ có thể canh tác 2 vụ/năm. Đặc biệt, có nhiều khu vực canh tác lúa trước kia, nay bị bỏ hoang vì không thể canh tác, hoặc canh tác không hiệu quả (Kết quả quan sát trên thực địa tháng 8 và tháng 9 năm 2019 tại tỉnh An Giang, Cần Thơ và Trà Vinh).

Kết quả khảo sát xã hội học cho thấy, 6 loại tai biến môi trường đã góp phần làm giảm phần lớn diện tích trồng cây ăn trái ở khu vực ven sông Hậu (với tổng 43,5%). Cụ thể, những tai biến môi trường có tác động lớn đến suy giảm diện tích trồng cây ăn trái trong 5 năm (2014 - 2019) gồm sạt lở bờ sông với 13,3%; sự bất thường của lũ (12,9%); thay đổi dòng chảy, phù sa sông Hậu (9,4%).

Như vậy, dưới góc nhìn an ninh lương thực, cho thấy khu vực ven sông Hậu đã và đang phải đối mặt với những thách thức không nhỏ trong việc đảm bảo diện tích gieo trồng cây lương thực (lúa), trồng cây ăn trái, nuôi trồng thủy sản dưới tác động của các yếu tố thiên tai. Điều đó, đặt ra những thách thức nhất định đối với việc đảm bảo tổng sản lượng lương thực, thực phẩm trong tương lai phục vụ nhu cầu trong nước và xuất khẩu.

Vấn đề quan trọng thứ hai, để đảm bảo an ninh lương thực là đảm bảo năng suất gieo trồng. Cây lúa - cây lương thực chính của người dân khu vực ven sông Hậu, những năm vừa qua đã chịu ảnh hưởng không nhỏ từ các tai biến môi trường không chỉ làm giảm diện tích gieo trồng mà còn làm giảm năng suất. Kết quả khảo sát định lượng cho thấy đánh giá của người dân về tác động/ảnh hưởng của các chiều cạnh tai biến môi trường đến năng suất lúa, cây ăn trái và nuôi trồng thủy sản được thể hiện ở Hình 2.

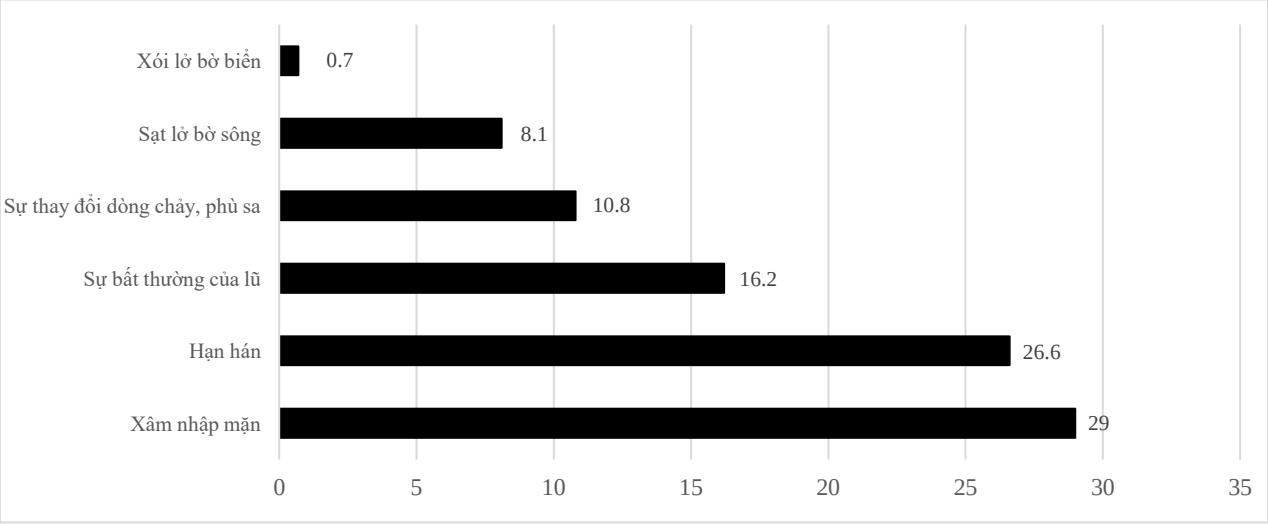

Hình 2. Tác động từ các tai biến môi trường làm giảm năng suất lúa trong giai đoạn 2014 - 2019 tại khu vực ven sông Hậu *(đơn vị %)*

Nguồn: [12]

Kết quả cho thấy một số điểm đáng lưu ý:

- Thứ nhất, trong 5 năm (2014 - 2019) nhiều biểu hiện thiên tai khác nhau đã có những tác động rất lớn làm giảm năng suất lúa của người dân khu vực ven sông Hậu Việt Nam.

Nhiều loại tai biến môi trường đã tác động lớn đến giảm năng suất lúa trong 5 năm (2014 - 2019) gồm: xâm nhập mặn (29%); hạn hán (26,6%); sự bất thường của lũ (16,2%). Đặc biệt, với sự đánh giá của những hộ dân trồng lúa trong khu vực, nếu cộng dồn tác động/ảnh hưởng của tổng 6 chiều cạnh tai biến môi trường trên đây tới giảm năng suất lúa trong 5 năm từ 2014 đến 2019 thì đây là một con số rất đáng quan tâm.

Kết quả khảo sát xã hội học (thực hiện vào tháng 8 - 9/2019) tại Trà Vinh cho kết quả với đại đa số (88,4%) người trả lời cho rằng, trong 5 năm vừa qua (2014 - 2019) xâm nhập mặn đã tác động/ảnh hưởng làm giảm năng suất lúa của gia đình họ. Theo thống kê của UBND tỉnh Trà Vinh (với hạn mặn năm 2020), tính đến tháng 2 năm 2020 có khoảng 5.177 ha lúa của 6.710 hộ gia đình bị thiệt hại do hạn mặn, chủ yếu tập trung ở các huyện Trà Cú, Cầu Ngang, Châu Thành, Duyên Hải, Cầu Kè, Tiểu Cần, với mức thiệt hại từ 30 đến 70% [11].

Xét dưới góc nhìn từ đảm bảo an ninh lương thực cho thấy các loại hình thiên tai khác nhau đã ảnh hưởng rất lớn đến sản xuất lương thực chính (lúa) của người dân một số khu vực, đặt ra thách thức trong việc đảm bảo an ninh lương thực trong tương lai đặc biệt, vị trí xuất khẩu lúa gạo lớn thứ nhất, nhì của Việt Nam trên thế giới trong những năm sắp tới nếu vấn đề xâm nhập mặn nói riêng và các chiều cạnh thiên tai khác không được giải quyết. Đây cũng chính là vấn đề mà người dân trong khu vực, đặc biệt là người dân trồng lúa tại tỉnh Trà Vinh lo lắng (có tới 73,8% người trả lời nhận định rằng trong 5 năm tới xâm nhập mặn tiếp tục làm giảm năng suất lúa) [12].

- Thứ hai, xâm nhập mặn trong những năm gần đây khiến hầu hết vụ 3 trồng lúa trong năm không thể tiến hành canh tác.

Theo chia sẻ của lãnh đạo xã Long Hiệp (huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh) *"Trong nhiều năm trở lại đây, do xâm nhập mặn ngày càng diễn biến nặng hơn đã khiến nhiều khu vực không thể trồng lúa ở vụ 3. Vì vậy, để giảm thiểu thấp nhất thiệt hại, ngành nông nghiệp địa phương đã vận động người dân trong khu vực tạm ngưng sản xuất lúa vụ Đông Xuân".*

"Để ứng phó với xâm nhập mặn diễn biến phức tạp, người dân tại khu vực này đã nghiên cứu và chuyển đổi sang trồng cây bồn bồn, một loại cây cho thu nhập tốt hơn và chịu mặn tốt hơn nhưng khi đất bị nhiễm mặn quá nặng thì cây bồn bồn cũng không sống được" (Kết quả phỏng vấn sâu ông Nguyễn Văn A, 54 tuổi, xã Long Hiệp, huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh).

Như vậy, xâm nhập mặn với một số khu vực ven sông Hậu diễn biến ngày càng nặng nề hơn trong những năm gần đây. Việc phải dừng canh tác vụ 3 ở một số khu vực do hạn mặn gây ra sẽ khiến diện tích gieo trồng lúa giảm ở khu vực ven sông Hậu. Điều này đặt ra thách thức đối với việc đảm bảo ổn định diện tích gieo trồng lúa trong tương lai của khu vực ven sông Hậu.

- Thứ ba, xâm nhập mặn còn tác động/ảnh hưởng làm tăng công lao động, tăng các chi phí đầu tư trong gieo trồng, sản xuất lúa trong khu vực.

Điển hình tại tỉnh Trà Vinh, có tới 63,5% người trả lời phỏng vấn cho rằng, họ phải bỏ thêm chi phí đầu tư trong sản xuất lúa những năm vừa qua bởi những tác động của xâm nhập mặn. Không chỉ dừng lại ở đó, xâm nhập mặn còn tạo nên nguy cơ lớn hơn đối với người trồng lúa, đó là nguy cơ mất trắng. Minh chứng cho điều này được thể hiện ở Hình 3.

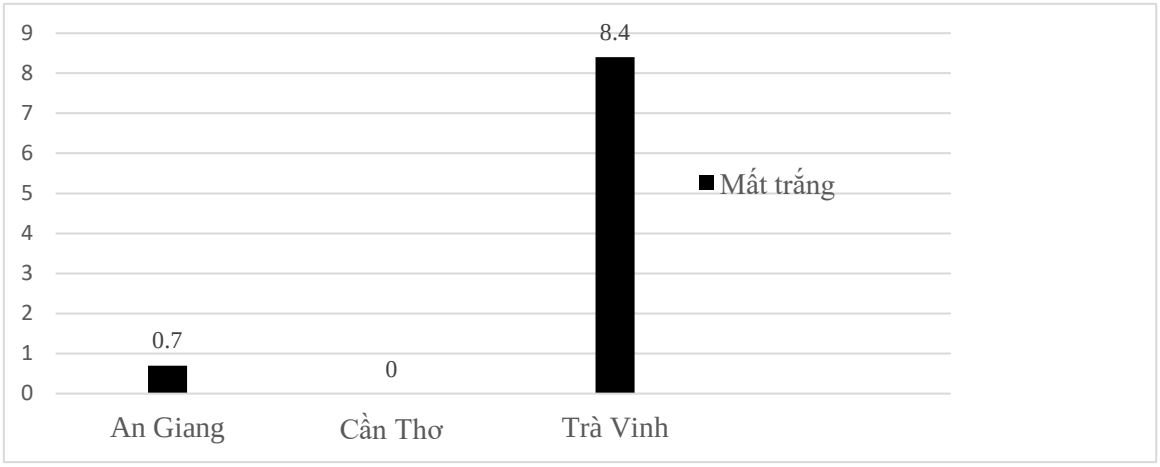

Hình 3. Ý kiến của người dân về tác động của xâm nhập mặn làm mất trắng nhiều diện tích lúa trong 5 năm (2014 - 2019) tại tỉnh An Giang, Cần Thơ, Trà Vinh *(đơn vị: %)*

Nguồn:[12]

Dữ liệu định lượng từ Hình 3 cho kết quả, trong 5 năm từ năm 2014 đến năm 2019 xâm nhập mặn đã tác động làm mất trắng nhiều diện tích lúa ở những vụ lúa nhất định, ở những khu vực nhất định. Bên cạnh những tỉnh ít bị ảnh hưởng bởi xâm nhập mặn như An Giang, Cần Thơ, thì tại tỉnh Trà Vinh, tỷ lệ mất trắng ở mức rất cao, chiếm 8,4/9,2% trong 5 năm của cả khu vực và chiếm tới 40% tổng số hộ sản xuất lúa trong cuộc khảo sát tại tỉnh này.

Như vậy, chỉ tính trong 2 năm 2018 và 2020, sản lượng lúa ở khu vực ĐBSCL đã giảm 0,7 triệu tấn. Dưới góc nhìn về đảm bảo an ninh lương thực thì xâm nhập mặn đã và sẽ tạo ra những thách thức lớn trong đảm bảo tổng sản lượng lúa trong thời gian qua và thời gian tới tại một số khu vực nhất định ven sông Hậu.

4. Kết luận và khuyến nghị

4.1. Kết luận

Nhìn một cách tổng thể, các kết quả nghiên cứu xã hội học tại khu vực ven sông Hậu đã được trình bày ở trên cho thấy: các tai biến môi trường tự nhiên, cụ thể là xâm nhập mặn, hạn hán, sự bất thường của lũ, sự thay đổi dòng chảy, phù sa sông Hậu, sạt lở bờ sông, xói lở bờ biển đã có những tác động chủ yếu làm giảm diện tích và năng suất sản xuất lương thực tại khu vực ven sông Hậu. Ngoài ra, các tai biến môi trường còn tác động/ảnh hưởng làm tăng công lao động, tăng các chi phí đầu tư trong gieo trồng, sản xuất lúa trong khu vực.

Đồng thời, các tai biến môi trường còn tạo nên nguy cơ mất trắng một số vụ nhất định. Đặc biệt, nhiều khu vực ven sông Hậu chỉ có thể canh tác 2/3 vụ trong năm, buộc nhiều khu vực canh tác phải bỏ hoang hoặc chuyển đổi sang các loại cây trồng khác. Như vậy, ở một khía cạnh nhất định, các tai biến môi trường đã khiến một bộ phận người dân không thể tiếp tục triển khai sinh kế của họ nữa.

Điều đó cho thấy, việc đảm bảo diện tích gieo trồng lương thực đang bị đe dọa nghiêm trọng. Từ đó, đặt ra thách thức không nhỏ trong việc đảm bảo an ninh lương thực trong tương lai ở vùng đồng bằng ven sông Hậu, ĐBSCL cũng như cả nước.

Tình trạng trên tạo ra những thách thức không nhỏ trong việc giữ vững vị trí xuất khẩu lúa gạo lớn nhất, nhì của Việt Nam trên thế giới trong những năm sắp tới và rộng hơn là những vấn đề phát sinh có liên quan, như việc đảm bảo an ninh kinh tế, an ninh trật tự, an

sinh xã hội khu vực, vùng và cả nước. Thực tiễn trên đặt ra nhu cầu cấp thiết cần nhận diện, nghiên cứu xây dựng và nhân rộng các mô hình sinh kế bền vững, thích ứng với BĐKH, thiên tai tại khu vực ven sông Hậu hiện nay và trong thời gian tới.

4.2. Một số khuyến nghị

Một là, thực hiện có hiệu quả các Nghị quyết Trung ương về chủ động ứng phó với BĐKH, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường cho vùng; đặc biệt cho sản xuất cây lương thực;

Hai là, đẩy mạnh công tác tuyên truyền tạo sự chuyển biến mạnh mẽ từ nhận thức đến hành động; xác định phòng, chống thiên tai, ứng phó với BĐKH là yêu cầu cần thiết, là nhiệm vụ quan trọng để phát triển kinh tế - xã hội bền vững của các địa phương;

Ba là, tập trung nâng cao năng lực dự báo, cảnh báo thiên tai, đảm bảo kịp thời, chính xác, góp phần chủ động phòng, chống và giảm nhẹ thiệt hại do thiên tai, BĐKH gây ra;

Bốn là, xây dựng một số mô hình sản xuất cây lương thực bền vững, chủ động thích ứng với BĐKH, phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai và bảo vệ môi trường;

Năm là, chủ động hợp tác giữa các địa phương trong khu vực ven sông Hậu, ĐBSCL và quốc tế về ứng phó BĐKH, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Tài nguyên và Môi trường (2007), *Chương trình mục tiêu quốc gia ứng phó với BĐKH.*
2. Chính phủ (2017), *Nghị quyết số 120/NQ-CP ngày 17/11/2017 về phát triển bền vững ĐBSCL thích ứng BĐKH.*
3. Chính phủ (2022), *Quyết định số 896/QĐ-TTg ngày 26 tháng 7 năm 2022* phê duyệt *Chiến lược quốc gia về BĐKH giai đoạn đến năm 2050*.
4. Đỗ Đức Dũng (2015), *Các giải pháp tổng thể thủy lợi phát triển ĐBSCL*, https://siwrp.org.vn/tin-tuc/cac-giai-phap-tong-the-thuy-loi-phat-trien-dong-bang-song-cuu-long_296.html, truy cập ngay 10/6/2022.
5. Hồ Thanh Bình (2020), *An ninh lương thực và ĐBSCL*, https://daibieunhandan.vn/Chinh-sach-va-cuoc-song/An-ninh-luong-thuc-va-dong-bang-song-Cuu-Long-i257476/, truy cập ngày 09/8/2022.
6. Kỷ yếu hội thảo khoa học (2009), *Chiến lược bảo đảm an ninh lương thực quốc gia và quy hoạch đất trồng lúa đến 2020, tầm nhìn đến 2030,* Cần Thơ.
7. Nguyễn Ngọc Anh (2016), *Hạn - mặn lịch sử 2016 ở ĐBSCL: Bài học kinh nghiệm và những giải pháp ứng phó*, http://khoahocvacongnghevietnam.com.vn, truy cập ngày 09.8/2022
8. Nguyễn Tuấn Anh (2020), *Phát triển bền vững trong bối cảnh BĐKH, thiên tai và hoạt động nhân sinh ở khu vực ven sông Hậu*, Nxb. Đại học quốc gia Hà Nội.
9. Phạm Ngọc Lãng (2022), *Tai biến môi trường - Một mặt trận an ninh phi truyền thống nóng bỏng*, Tạp chí Cộng sản, số 10/2018.
10. Cổng thông tin điện tử tỉnh Tuyên Quang (2016), *Tác động của BĐKH đối với ngành nông nghiệp*, truy cập ngày 16/6/2022.
11. UBND tỉnh Trà Vinh (2020), *Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội tháng 02 và một số trọng tâm tháng 3/2020*.
12. Số liệu khảo sát từ đề tài: *Nghiên cứu đánh giá tác động của BĐKH, thiên tai, hoạt động nhân sinh nhằm đề xuất giải pháp, mô hình phát triển bền vững khu vực ven sông Hậu,* Mã nhiệm vụ: BĐKH.39/16-20
13. Tổng cục Thống kê (2021*), ĐBSCL - Phát huy lợi thế vựa lúa số một cả nước*, https://www.gso.gov.vn>2021, truy cập ngày 09/8/2021.
14. Bộ Tài nguyên và Môi trường (2016), *Báo cáo tóm tắt Kịch bản BĐKH và nước biển dâng cho Việt Nam* (tr.26).

Thông tin tác giả:

Lê Thị Hoa - Khoa LLCT & KHXHNV - Học viện An ninh nhân dân
Địa chỉ liên hệ: 125 Trần Phú, Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội
Email: lehoapsa@gmail.com; Điện thoại: 0787 895 888.

Nhật ký tòa soạn

Ngày nhận bài: 16/9/2022
Biên tập: 11/2022